

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2**Môn Ngữ văn – Lớp 7****Bộ sách: Chân trời sáng tạo****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Phần đọc hiểu****a. Hành trình tri thức**

Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.

Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống có những đặc điểm sau:

- Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.
- Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.
- Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

b. Trí tuệ dân gian

Tục ngữ là một trong những thể loại sáng tác dân gian. Về nội dung, tục ngữ thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội. Về hình thức, tục ngữ có các đặc điểm:

- Thường ngắn gọn (câu ngắn nhất gồm 4 chữ, câu dài có thể trên dưới 16 chữ).
- Có nhịp điệu, hình ảnh.

- Hầu hết đều có vần và thường là vần lưng. Vần lưng trong tục ngữ có thể được gieo ở hai tiếng liền nhau (gọi là “vần sát”).
- Thường có hai vế trở lên. Các vế đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung.
- Thường đa nghĩa nhờ sử dụng các biện pháp tu từ, nhất là tục ngữ về con người và xã hội.

c. Nét đẹp văn hóa Việt

Tiếp nối bài *Từng bước hoàn thiện bản thân*, ở bài học này, em sẽ được tìm hiểu thêm về cấu trúc và đặc điểm của loại văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

d. Trong thế giới viễn tưởng

Truyện khoa học viễn tưởng là loại truyện hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định, dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả. Truyện khoa học viễn tưởng có các đặc điểm như sau:

- Đề tài: đa dạng, phong phú thường gắn với các phát minh khoa học, công nghệ
- Cốt truyện: thường được xây dựng dựa trên các sự việc giả tưởng liên quan đến các thành tựu khoa học
- Tình huống truyện: thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn hay mâu thuẫn cần phải giải quyết trong một thế giới giả tưởng.
- Sự kiện: thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định
- Nhân vật: thường xuất hiện các nhân vật như người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường, những nhà khoa học, nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ.
- Không gian, thời gian: mang tính giả định, chẳng hạn thời gian trộn lẫn từ quá khứ, hiện tại và tương lai; không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển

e. Lắng nghe trái tim mình

Thơ được sáng tác nhằm bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước những khoảnh khắc của đời sống. Đọc thơ trước hết là tìm hiểu, lắng nghe, chia sẻ những tình cảm, cảm xúc ấy qua ngôn ngữ thơ.

Ngôn ngữ thơ có khả năng truyền cảm, lan tỏa tình cảm, cảm xúc nhờ được tổ chức một cách đặc biệt, độc đáo thể hiện qua cách dùng từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, các biện pháp tu từ...

2. Phần tiếng Việt

a. Liên kết trong văn bản: phép lặp, phép nối, phép thế, phép liên tưởng

b. Nói quá

c. Nói giảm, nói tránh

d. Số từ

e. Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ

g. Ngữ cảnh

3. Phần Làm văn

a. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

b. Viết văn bản tường trình

c. Viết đoạn văn tóm tắt văn bản

d. Viết bài văn biểu cảm về con người

B. BÀI TẬP

1. Phần đọc hiểu

Văn bản Tự học – một thú vui bổ ích

Câu 1: Văn bản *Tự học – một thú vui bổ ích* do ai sáng tác?

A. Nguyễn Vĩnh Nguyên

B. Phạm Thùy Dung

C. Hà Thủy Nguyên

D. Nguyễn Hiến Lê

Câu 2: Văn bản được trích từ tác phẩm nào?

A. Thiên Mã

B. Tự học – một nhu cầu thời đại

C. Tôi tài giỏi, bạn cũng thế

D. Hai vạn dặm dưới đáy biển

Văn bản Bàn về đọc sách

Câu 3: Nội dung chính của *Bàn về đọc sách*?

A. Tầm quan trọng của việc đọc sách

B. Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách hiện nay

C. Bàn về phương pháp đọc sách

D. Tất cả đáp án trên

Câu 4: Qua đoạn trích *Bàn về đọc sách*, em có nhận xét gì về ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm?

A. Đọc sách để khẳng định tầm vóc của bản thân trước cộng đồng

B. Bài viết cèm thương người không biết đọc sách

C. Bài viết là một kim chỉ nam cho những người mong muốn đọc sách, muốn tiến xa trên con đường học vấn

D. Đáp án A và B

Văn bản Tôi đi học

Câu 5: Điều gì đã khiến nhân vật “tôi” nhớ về ngày đầu tiên đi học của mình?

A. Âm thanh tiếng trống vang lên từ ngôi trường làng

B. Không khí náo nhiệt trên đường phố của những ngày đầu năm học

C. Hình ảnh thiên nhiên giao mùa và những em bé ngày đầu đến trường

D. Tất cả đáp án trên

Câu 6: Câu văn “Tôi bấm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất” trong văn bản *Tôi đi học* của Thanh Tịnh cho ta hiểu điều gì?

- A. Cậu bé chưa quen với việc cầm vở
- B. Cậu bé quá hồi hộp
- C. Cậu bé chưa tập trung vào việc
- D. Cậu bé thấy không đủ sức giữ vở

Văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng*

Câu 7: Văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng* thuộc thể loại gì?

- A. Thơ
- B. Tiểu thuyết
- C. Văn bản thông tin
- D. Văn bản nghị luận

Câu 8: Theo tác giả, muốn thành công thì trước hết phải làm gì?

- A. Học cách chấp nhận, đối mặt vượt qua thất bại của chính mình
- B. Có thái độ nhiệt tình
- C. Đặt mục tiêu rõ ràng và thực hiện mục tiêu đó
- D. Luôn có lòng tin đối với sự lựa chọn của mình

Văn bản *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết*

Câu 9: Các câu tục ngữ trong văn bản cùng nói về điều gì?

- A. Con người và xã hội
- B. Lao động sản xuất
- C. Vấn đề đời sống
- D. Thời tiết

Câu 10: Câu tục ngữ sau muốn nói về hiện tượng gì?

“Đêm tháng Năm, chưa nằm đã sáng

Ngày tháng Mười, chưa cười đã tối”

- A. Hiện tượng ngày dài đêm ngắn khác nhau theo mùa
- B. Đến tháng bảy gió heo may mà nhìn thấy chuồn chuồn bay thì là sắp có bão
- C. Vào ngày nắng, chúng ta thường cảm thấy buổi trưa đến sớm hơn vì thời tiết nóng gắt, ngột ngạt
- D. Yếu tố quan trọng hàng đầu chính là yếu tố nước, có nước thì lúa mới sống tươi tốt được, sau đó thì mới đến phân – thức ăn để lúa phát triển nhanh

Văn bản Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất

Câu 11: “Hoa đất” trong câu tục ngữ “Mưa tháng Tư hư đất, mưa tháng Ba hoa đất” được hiểu như thế nào?

- A. Bông hoa ở dưới đất
- B. Những gì tinh túy, đẹp đẽ, quý giá nhất được kết tinh từ trời đất, mạch nguồn của sự sống
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 12: Ý nghĩa của các câu tục ngữ trong bài là gì?

- A. Giúp dự báo về tình hình thời tiết trong thời kì khác nhau để có phương án xử lý kịp thời
- B. Giúp chúng ta học cách yêu thương mọi người
- C. Giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá một con người
- D. Giúp người nông dân hiểu thêm về giá trị của đất và của các yếu tố khác trong lao động sản xuất

Văn bản Tục ngữ và sáng tác văn chương

Câu 13: Văn bản *Tục ngữ và sáng tác văn chương* nhắc đến mấy câu chuyện?

- A. 2 câu chuyện
- B. 3 câu chuyện
- C. 4 câu chuyện

D. 5 câu chuyện

Câu 14: Những câu chuyện nào được nhắc đến trong văn bản?

- A. Nàng Bân
- B.Ếch ngồi đáy giếng
- C. “Chim trời cá nước...” xưa và nay
- D. A và C đúng

Văn bản Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội

Câu 15: Văn bản *Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội* xuất xứ từ đâu?

- A. Kho tàng tục ngữ người Việt
- B. 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi
- C. Tôi khóc những cánh đồng rau khúc
- D. Trò chơi dân gian Nam Bộ

Câu 16: Điền vào chỗ ... từ còn thiếu trong câu sau:

“Ăn quả nhớ kẻ ...”

- A. gieo trồng
- B. vun trồng
- C. trồng cây
- D. chăm bón

Văn bản Trò chơi cướp cờ

Câu 17: Văn bản giới thiệu về quy tắc, luật lệ của trò chơi nào?

- A. Kéo co
- B. Ô ăn quan
- C. Cướp cờ
- D. Thổi cơm thi

Câu 18: Văn bản *Trò chơi cướp cờ* thuộc thể loại gì?

- A. Văn bản nghị luận
- B. Văn bản thông tin
- C. Văn bản nhật dụng
- D. Ngụ ngôn

Văn bản *Cách gọt củ hoa thủy tiên*

Câu 19: Theo văn bản, người Hà Nội thường cầu kì trong cách chơi hoa ngày Tết, cầu kì nhất phải kể đến cách chơi hoa gì?

- A. Hoa sen
- B. Hoa rơn
- C. Hoa thủy tiên
- D. Hoa hồng

Câu 20: Theo văn bản, cứ sắp sang tháng nào thì bắt đầu mùa gọt thủy tiên?

- A. Tháng Ba
- B. Tháng Hai
- C. Tháng Giêng
- D. Tháng Chạp

Văn bản *Hương khúc*

Câu 21: Văn bản *Hương khúc* xuất xứ từ đâu?

- A. 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi
- B. Tôi khóc những cánh đồng rau khúc
- C. Đất rừng phương Nam
- D. Kho tàng tục ngữ người Việt

Câu 22: Thường vào cuối tháng mấy âm lịch thì rau khúc bắt đầu nở lác đác trên đồng?

- A. Tháng Chạp

B. Tháng Mười Một

C. Tháng Mười

D. Tháng Chín

Văn bản Kéo co

Câu 23: Số lượng người chơi trong mỗi đội thường khoảng bao nhiêu người trở lên?

A. 2 – 4 người

B. 5 – 10 người

C. 10 – 15 người

D. 15 – 20 người

Câu 24: Đây là dụng cụ quan trọng để chơi kéo co

A. Bao bố

B. Sợi dây

C. Vỏ chai

D. Trống

Văn bản Dòng “Sông đen”

Câu 25: Văn bản *Dòng “sông đen”* do ai sáng tác?

A. Hà Thủy Nguyên

B. Giuyn Véc-nơ

C. Rô-a Đan

D. Mác-xim Go-rơ-ki

Câu 26: Văn bản *Dòng “sông đen”* trích từ tác phẩm nào?

A. Thiên mã

B. Bà lão I-dec-ghin

C. Hai cây phong

D. Hai vạn dặm dưới biển

Văn bản Xưởng Sô-cô-la

Câu 27: Văn bản *Xưởng Sô-cô-la* do ai sáng tác?

- A. A-lếch-xăng-đơ Rô-ma-nô-vích Bê-li-ép
- B. Giuyn Véc-nơ
- C. Rô-a Đan
- D. Mác-xim Go-rơ-ki

Câu 28: Văn bản *Xưởng Sô-cô-la* được trích từ tác phẩm nào?

- A. Charlie và nhà máy sô-cô-la
- B. Thiên mã
- C. Hai vạn dặm dưới biển
- D. Bà lão I-dec-ghin

Văn bản Trái tim Đan-kô

Câu 29: Văn bản *Trái tim Đan-kô* do ai sáng tác?

- A. A-lếch-xăng-đơ Rô-ma-nô-vích Bê-li-ép
- B. Giuyn Véc-nơ
- C. Rô-a Đan
- D. Mác-xim Go-rơ-ki

Câu 30: Văn bản *Trái tim Đan-kô* được trích từ tác phẩm nào?

- A. Charlie và nhà máy sô-cô-la
- B. Bà lão I-dec-ghin
- C. Hai vạn dặm dưới biển
- D. Thiên mã

Văn bản Một ngày của Ích-chi-an

Câu 31: Văn bản *Một ngày của Ích-chi-an* do ai sáng tác?

A. Mác-xim Go-rơ-ki

B. Rô-a Đan

C. A-lếch-xăng-đơ Rô-ma-nô-vích Bê-li-ép

D. Giuyn Véc-nơ

Câu 32: Văn bản *Một ngày của Ích-chi-an* được trích từ tác phẩm nào?

A. Người cá

B. Người bay Ariel

C. Người bán không khí

D. Chúa tể thế giới

Văn bản Đợi mẹ

Câu 33: Bài thơ *Đợi mẹ* do ai sáng tác?

A. Nguyễn Đình Thi

B. Vũ Đình Liên

C. Vũ Quần Phương

D. Xuân Quỳnh

Câu 34: Bài thơ *Đợi mẹ* thuộc thể thơ gì?

A. Thơ tự do

B. Thơ bốn chữ

C. Thơ năm chữ

D. Thất ngôn bát cú

Văn bản Một con mèo nằm ngủ trong ngực tôi

Câu 35: Bài thơ *Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi* do ai sáng tác?

A. Vũ Quần Phương

B. Anh Ngọc

C. Tô Hoài

D. Tố Hữu

Câu 36: Bài thơ *Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi* thuộc thể thơ gì?

A. Tự do

B. Bốn chữ

C. Năm chữ

D. Lục bát

Văn bản Lời trái tim

Câu 37: Văn bản *Lời trái tim* do ai sáng tác?

A. Giuyn Véc-nơ

B. A-đam Khu

C. Mác-xim Go-rơ-ki

D. Pao-lo Cau-ê-lô

Câu 38: Văn bản *Lời trái tim* được trích từ tác phẩm nào?

A. Nhà giả kim

B. Quý dũ và nàng Prym

C. Phù thủy phố Portobello

D. Veromika quyết chết

Văn bản Mẹ

Câu 39: Bài thơ *Mẹ* do ai sáng tác?

A. Tô Hoài

B. Tố Hữu

C. Chính Hữu

D. Đỗ Trung Lai

Câu 40: Bài thơ *Mẹ* được trích trong tập thơ nào?

- A. Lửa thiêng
- B. Từ ấy
- C. Đêm sông Cầu
- D. Trường ca khát vọng

2. Phần tiếng Việt

a. Liên kết trong văn bản: phép lặp, phép nối, phép thế, phép liên tưởng

Câu 1: Các phép liên kết chủ yếu được học là?

- A. Phép nối, phép lặp
- B. Phép liên tưởng, trái nghĩa
- C. Phép thế
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 2: Câu văn sau sử dụng phép liên kết gì?

Nghệ thuật nói nhiều với tư tưởng nữa, nghệ thuật không thể nào thiếu tư tưởng. Không tư tưởng, con người có thể nào còn là con người.

- A. Phép lặp từ ngữ
- B. Phép trái nghĩa
- C. Phép đồng nghĩa
- D. Phép thế

Câu 3: Phép nối là biện pháp tạo ra sự liên kết giữa các câu, các đoạn văn bằng cách:

- A. sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước.
- B. sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.
- C. sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.
- D. lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu đứng trước.

Câu 4: Dòng nào sau đây không chứa những từ ngữ thường dùng trong phép nối?

- A. Cái này, điều ấy, việc đó, hần, họ, nó...
- B. Và, rồi, nhưng, mà, còn, vì, nếu, tuy, để...
- C. Vì vậy, nếu thế, thế thì, vậy nên...
- D. Nhìn chung, tóm lại, hơn nữa, vả lại, với lại...

Câu 5: Phép thế là biện pháp tạo ra sự liên kết giữa các câu, các đoạn văn bằng cách:

- A. sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.
- B. sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước
- C. lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu đứng trước.
- D. sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.

Câu 6: Các phép liên kết chủ yếu được học là?

- A. Phép nói, phép lặp
- B. Phép liên tưởng, trái nghĩa
- C. Phép thế
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Phép liên tưởng là gì?

- A. Là sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến, suy luận ra theo một hướng nào đó và nó xuất phát từ những từ ngữ ban đầu
- B. Là lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu đứng trước.
- C. Là sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 8: Phép liên tưởng có bao nhiêu loại?

- A. 4
- B. 3
- C. 2

D. 1

b. Nói quá

Câu 9: Nói quá là gì?

- A. Là phương tiện tu từ làm giảm nhẹ, làm yếu đi một đặc trưng tích cực nào đó của một đối tượng được nói đến
- B. Là cách thức xếp đặt để đối chiếu hai sự vật, hiện tượng có mối liên hệ giống nhau
- C. Là một biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng
- D. Là một phương thức chuyển tên gọi từ một vật này sang một vật khác

Câu 10: Ý kiến nào nói đúng nhất tác dụng của biện pháp nói quá?

- A. Để gọi ra hình ảnh chân thực và cụ thể về sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu
- B. Để nhấn mạnh, gây ấn tượng và tăng sức biểu cảm cho sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu
- C. Để cho người nghe thấm thía được vẻ đẹp hàm ẩn trong cách nói kín đáo giàu cảm xúc
- D. Để bộc lộ thái độ, tình cảm, cảm xúc của người nói

c. Nói giảm, nói tránh

Câu 11: Nói giảm nói tránh là gì?

- A. Là dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự.
- B. Là dùng các từ ngữ sử dụng khi miêu tả con người để gọi tên, miêu tả con vật, đồ vật hay sự vật nào đó
- C. Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng
- D. Là phóng đại quá mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả

Câu 12: Điểm giống nhau giữa nói giảm nói tránh với nói quá là?

- A. Đều phóng đại hay khoa trương một sự việc
- B. Đều không đi thẳng vào vấn đề mà làm giảm đi tiêu cực

C. Điều đối chiếu sự vật, sự việc, hiện tượng này với sự vật, sự việc, hiện tượng khác có nét tương đồng

D. Điều nói một cách không chính xác về sự việc đã xảy ra

d. Số từ

Câu 13: Số từ là gì?

A. Là từ dùng để xác định thứ tự và số lượng của sự vật nào đó

B. Là từ dùng để chỉ các sự vật có số lượng ít hay nhiều

C. Là từ dùng để chỉ tính chất, tính cách, màu sắc, trạng thái, mức độ, phạm vi ... của người hoặc vật

D. Là từ dùng để biểu thị hoạt động hoặc trạng thái

Câu 14: Khi dùng để miêu tả số lượng của vật thì số từ thường đứng trước?

A. Tính từ

B. Động từ

C. Danh từ

D. Trạng ngữ

e. Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ

Câu 15: Thành phần chính của câu là gì?

A. Là thành phần không bắt buộc

B. Là thành phần bắt buộc

C. Là thành phần vô cùng ít trong câu

D. Là thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một số ý trọn vẹn

Câu 16: Cụm chủ - vị được in đậm trong câu văn "Chiếc xe này máy còn tốt lắm" làm thành phần gì trong câu?

A. Chủ ngữ.

B. Định ngữ.

C. Vị ngữ.

D. Bổ ngữ.

g. Ngữ cảnh

Câu 17: Ngữ cảnh là gì?

A. Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ mà ở đó sản phẩm ngôn ngữ (văn bản) được tạo ra trong hoạt động giao tiếp, đồng thời là bối cảnh cần dựa vào để lĩnh hội thấu đáo sản phẩm ngôn ngữ đó

B. Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ mà ở đó lời nói được tạo ra trong hoạt động giao tiếp, đồng thời là bối cảnh cần dựa vào để lĩnh hội thấu đáo sản phẩm ngôn ngữ đó

C. Ngữ cảnh là hoàn cảnh giao tiếp trong đời sống hàng ngày

D. Ngữ cảnh sản sinh ra sản phẩm ngôn ngữ

Câu 18: Ngôn ngữ của ngữ cảnh là?

A. Nhân vật giao tiếp

B. Bối cảnh ngoài ngôn ngữ

C. Văn cảnh

D. Tất cả đáp án trên

3. Phần Làm văn

a. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

Đề 1. Trình bày ý kiến của em về vấn đề Thành công và thất bại, mặt nào mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người tiến bộ.

Đề 2. Trình bày ý kiến của em về 2 câu nói Không thầy đố mày làm nên và Học thầy không tày học bạn. Câu nào là chân lý?

b. Viết văn bản tường trình

Đề 1. Hãy viết bản tường trình lại về một sự việc xảy ra ngoài ý muốn mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.

Đề 2. Viết văn bản tường trình về việc mất xe đạp nơi gửi xe của trường

c. Viết đoạn văn tóm tắt văn bản

Đề 1. Tóm tắt văn bản Xưởng cô-cô-la

Đề 2. Tóm tắt văn bản Dòng sông đen

d. Viết bài văn biểu cảm về con người

Đề 1. Viết bài văn biểu cảm về một người bạn

Đề 2. Viết bài văn biểu cảm về người thân mà em yêu quý nhất

C. LỜI GIẢI CHI TIẾT

1. Phần đọc hiểu

1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	
									0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2
D	B	D	C	C	B	D	A	D	A	B	D	A	D	A	C	C	B	C	D	B	B

23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
B	B	B	C	C	A	D	B	C	A	C	A	B	A	D	A	D	C

2. Phần tiếng Việt

1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	1	1	1	1	1	1	1	1
									0	1	2	3	4	5	6	7	8
D	A	B	A	B	D	A	C	C	B	A	D	A	C			A	D

3. Phần Làm văn

a. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

Đề 1. Trình bày ý kiến của em về vấn đề Thành công và thất bại, mặt nào mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người tiến bộ.

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

2. Thân bài

a. Giải thích:

- Thành công: đạt được những kết quả theo ý muốn, công việc đó được hoàn thành tốt đẹp, xuất sắc.
- Thất bại: những lần vấp ngã, khó khăn trong công việc và cuộc sống.
- Trải nghiệm bổ ích: những trải nghiệm đem lại ích lợi cho cuộc sống của con người.
- Tiến bộ: phát triển nhờ theo hướng đi lên, tốt hơn.

à Vấn đề đặt ra: thành công – những kết quả như mong muốn hay thất bại – những lần vấp ngã mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người đi lên, tốt hơn.

b. Bình luận

* Vai trò của thành công đối với sự tiến bộ của con người

- Thành công chính là mục đích để con người hướng tới/ vươn đến và đạt được.
- Để thành công, con người cần sự học hỏi, nỗ lực không ngừng. Đây chính là những trải nghiệm bổ ích.
- Dẫn chứng:
 - + Francis Hùng.
 - + Thành công của Edison khi phát minh ra bóng điện đã giúp cho loài người được “thắp sáng” – trở nên tiến bộ.
 - + Thành công của Nguyễn Du trong Truyện Kiều không chỉ cho thấy sự phát triển về nghệ thuật của riêng ông mà là của cả một thời đại cũng như của Việt Nam cho đến ngày nay.

* Vai trò của thất bại đối với sự tiến bộ của con người

- Thất bại có vai trò đối với sự tiến bộ của con người nhưng phải đi kèm điều kiện: học được những bài học, kinh nghiệm từ sự vấp ngã à Có ích cho sự tiến bộ của bản thân và đến gần với thành công hơn.
- Lẽ thường, người ta vẫn hay cho rằng thất bại đối lập với thành công.
- Thực tế, thất bại không những đối lập với thành công, mà thất bại còn là... “mẹ thành công”.
- Dẫn chứng:
 - + Những lần thất bại trước khi Edison thành công với bóng đèn điện.

+ Sự thất bại của Windows Vista để dẫn đến sự thành công của Windows 7.

* Thành công hay thất bại không quan trọng bằng thái độ của con người đối với trải nghiệm đó

- Nếu thành công mà ngủ quên trong chiến thắng, ắt sẽ thất bại à trải nghiệm không thật sự bổ ích.

- Nếu thất bại mà vẫn luôn nỗ lực không ngừng nghỉ, rồi thành công cũng sẽ tới à trải nghiệm bổ ích.

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.

- Liên hệ bản thân, đời sống.

Đề 2. Trình bày ý kiến của em về 2 câu nói Không thầy đố mày làm nên và Học thầy không tày học bạn. Câu nào là chân lý?

1. Mở bài

- Quan niệm và thái độ tôn sư trọng đạo của dân tộc ta.

- Vai trò của thầy và bạn trong học tập đều quan trọng như nhau.

2. Thân bài

a. Giải thích câu: “không thầy đố mày làm nên”

- Đề cao đến mức tuyệt đối vai trò của người thầy đối với học sinh.

- Thầy dạy cho học sinh những kiến thức cần thiết. Thầy là người dẫn đường chỉ lối, không chỉ dạy chữ mà còn dạy nhân nghĩa, đạo lí làm người.

b. Giải thích câu: “học thầy không tày học bạn”

- “Không tày”: không bằng. Là cách nói nhấn mạnh ý: học hỏi bạn bè là điều hết sức quan trọng và cần thiết đối với mỗi học sinh vì thầy chỉ dạy ở lớp, ở trường, còn phần lớn thời gian của học sinh là học tập với bạn bè.

- Học ở bạn những điều hay lẽ phải. Trao đổi thêm với bạn bè để nắm vững thêm điều thầy dạy trên lớp mà mình chưa hiểu hết. Bạn tốt giúp đỡ nhau tận tình thì cũng có vai trò quan trọng trong sự tiến bộ của mỗi người học sinh trong học tập, đời sống.

c. Mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ:

- Hai câu tục ngữ trên khẳng định: học thầy, học bạn đều quan trọng như nhau và cần thiết để bổ sung ý nghĩa cho nhau, phản ánh quan niệm của người xưa về việc học.
- Trong quá trình học tập, chúng ta cần khai thác thật mạnh mặt thuận lợi của thầy, của bạn để không ngừng nâng cao hiểu biết về mọi mặt.

3. Kết bài

- Muốn giỏi thì phải học tập toàn diện: học thầy, học bạn, học trong sách vở, học trong thực tế đời sống quanh mình.
- Phải tôn trọng thầy cô, khiêm tốn học hỏi bạn bè để trở thành người trò giỏi, con ngoan, công dân có ích cho xã hội.

b. Viết văn bản tường trình

Đề 1. Hãy viết bản tường trình lại về một sự việc xảy ra ngoài ý muốn mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.

Gợi ý:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày...tháng...năm

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc không làm bài tập

Kính gửi: Cô Trần Phương A, giáo viên chủ nhiệm lớp 7B, trường THCS B.

Em tên là Hoàng Thu C, hiện đang là học sinh lớp 7B.

Em viết văn bản này để tường trình về một sự việc như sau:

Vào hôm chủ nhật, ngày.....tháng....năm, do là cuối tuần em đã được bố mẹ cho đi chơi. Mặc dù bố mẹ đã dặn dò và nhắc nhở em cần hoàn thành bài tập trước khi đi để có một kỳ nghỉ trọn vẹn. Nhưng do chủ quan, nghĩ là đi chơi về em có thể hoàn thành nốt nhưng buổi đi chơi hôm đó em

đã về muộn và quá buồn ngủ, em đã ngủ mất. Vào lúc 8h sáng thứ 2, ngày....tháng...năm, tổ trưởng đã kiểm tra bài tập các bạn và của em, nhưng em đã chưa hoàn thành xong nên tổ đã bị ảnh hưởng về thi đua.

Nguyên nhân của sự việc: do em chủ quan, mãi đi chơi nên không hoàn thành đủ bài tập.

Hậu quả: Tổ bị hạ thi đua trong học tập.

Em xin nhận trách nhiệm về sự việc trên vì đã quá chủ quan, không nghe lời bố mẹ và ham chơi nên đã không hoàn thành bài và làm ảnh hưởng tới cả tổ.

Em xin nhận lỗi về hành vi của mình và hứa sẽ không tái phạm.

Em hứa sẽ hoàn thành bài tập đầy đủ và nghe lời bố mẹ hơn.

Người làm đơn tường trình

(Đã kí)

Hoàng Thị C

Đề 2. Viết văn bản tường trình về việc mất xe đạp nơi gửi xe của trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày ... tháng ... năm ...

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc mất xe đạp nơi gửi xe của trường

Kính gửi: Cô giáo Nguyễn Ngọc Thảo, giáo viên chủ nhiệm lớp 7A5

Em tên là: Bùi Hoàng Nam, học sinh lớp 7A5 Trường Trung học cơ sở Nguyễn Khuyến

Em xin phép tường trình về một sự việc đã xảy ra như sau: Vào trưa ngày 18 tháng 12 năm 2022, sau khi kết thúc buổi học sáng lúc 11h40p, và tiến về nơi gửi xe thì em phát hiện xe đạp của mình không có ở đó. Vào buổi sáng, em đã đi xe đạp đến trường và để đúng khu vực để xe của lớp. Điều này có sự xác nhận của bác bảo vệ và các bạn cùng lớp.

Em xin cam đoan những gì mình viết là đúng sự thật. Rất mong nhà trường sẽ giúp em sớm tìm lại được xe đạp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn

Người viết tường trình

Nam

Bùi Hoàng Nam

c. Viết đoạn văn tóm tắt văn bản

Đề 1. Tóm tắt văn bản Xưởng cô-cô-la

1. Mở đoạn: Dẫn dắt và giới thiệu câu chuyện dựa trên tác phẩm, nêu khái quát về nhân vật trong câu chuyện

- Nhân vật: Ông Quơn-cơ, năm đứa trẻ và chín người lớn
- Bố là người yêu thương con, dạy dỗ cho con nhận ra những điều tốt đẹp trong cuộc sống.
- Một đứa con hiếu thảo: Nhận ra bố là món quà to lớn nhất của đời mình. → Là người dạy dỗ, giúp mình nhận ra những bài học trong cuộc sống.

2. Thân đoạn: Nêu ra những tình huống chính trong câu chuyện và nhận xét, đánh giá khách quan nghệ thuật, ý nghĩa của câu chuyện

- Ông Quơn-cơ bắt đầu giới thiệu về xưởng sản xuất sô-cô-la trong nhà máy của mình
- + Đây là một xưởng quan trọng
- + Là “trung tâm thần kinh của toàn nhà máy, trái tim của toàn bộ công việc”.
- + Một xưởng “rất đẹp” vì ông Quơn-cơ không thích “sự xấu xí”
- Qua lời giới thiệu của ông Quơn-cơ, người đọc hình dung ra được phần nào về những điều thú vị bên trong xưởng sản xuất sô-cô-la mà mình sắp được khám phá qua những trang sách.
- Hành trình khám phá xưởng sản xuất sô-cô-la trong nhà máy
- + Ở “đáy của thung lũng” là một dòng sông sô-cô-la nâu chảy xiết
- + Giữa chừng luồng chảy của con sông còn có con thác lớn, nước cuộn cuộn chảy rồi trút xuống thành xoáy nước “sôi sục đầy tia và bọt trắng xóa”.
- + Bên dưới thác là “đường ống thủy tinh kính xù” đầu đó tít trên trần rủ xuống vực vào lòng sông.
- + Dọc hai bên sông, cây cối mọc thật đẹp: “liễu, trúc, bụi đỗ quyên cao”, “chùm hoa các màu đỏ, hồng và tím nhạt”, “cây mao lương hoa vàng”
- + Từng giọt của con sông đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng
- + Chỗ này đủ sô-cô-la để “đổ đầy bồn tắm trong cả nước và tất cả các bể bơi”

+ Các đường ống hút sô-cô-la và tải đến tất cả các xưởng khác trong nhà máy: “hàng ngàn lít mỗi giờ”

+ Con thác thì “nhào trộn”, “khuấy đảo”, “đập và giã” sô-cô-la

+ Điều đặc biệt là các bụi cây cỏ đều ăn được.

3. Kết đoạn: Kết luận nội dung văn bản thông tin

Xưởng Sô-cô-la đã dẫn người đọc vào hành trình thú vị khám phá xưởng sản xuất sô-cô-la bên trong nhà máy của ông Quơn-cơ. Truyện khoa học viễn tưởng này cho ta thấy trí tưởng tượng kì diệu của tác giả.

Đề 2. Tóm tắt văn bản Dòng sông đen

1. Mở đoạn: Dẫn dắt và giới thiệu câu chuyện dựa trên tác phẩm, nêu khái quát về nhân vật trong câu chuyện

- Nhân vật: Giáo sư A-rô-nắc, thuyền trưởng Nê-mô, anh Công-xây và Nét len

- Không gian, thời gian: mang tính giả định

- Cốt truyện dựa trên thành tựu khoa học nhưng có thêm yếu tố giả tưởng, hư cấu

2. Thân đoạn: Nêu ra những tình huống chính trong câu chuyện và nhận xét, đánh giá khách quan nghệ thuật, ý nghĩa của câu chuyện

- Suy nghĩ của giáo sư A-rô-nắc về con tàu và thuyền trưởng Nê-mô: Suy nghĩ của giáo sư về thuyền trưởng Nê-mô – một con người “bí ẩn đã từ bỏ Tổ Quốc” và những điều thú vị mà giáo sư A-rô-nắc thấy trên bản đồ

- Cuộc tranh luận của giáo sư A-rô-nắc, anh Công-xây và Nét len trên con thuyền Nau-ti-lux

+ Nét Len và Công-xây sống sờ “trước cảnh huyền diệu đang hiện ra trước mắt”

+ Nét Len tưởng rằng mình đang ở “Viện bảo tàng Quebec”

+ Công-xây thì “cúi xuống xem xét và lăm bắm những thuật ngữ sinh vật học”

+ A-rô-nắc giải thích: Đây không phải ở Pháp hay Canada mà chính là ở trên con tàu Nau-ti-lux

+ Nét Len còn tưởng rằng thủy thủ trên tàu này “cũng bằng điện”

+ Nét Len giận dữ, hét lên: “Trong cái ngục tù bằng sắt này thì còn thấy gì nữa mà quan sát!

Chúng ta đang đi như những thằng mù”

→ Khi sống trên tàu Na-ti-lux: Giáo sư A-rô-nắc luôn thích thú trải nghiệm cuộc sống thú vị dưới lòng đại dương còn về Nét Len: anh ta luôn giận dữ và muốn tìm mọi cách về đất liền.

- Khi thấy cảnh đẹp biển sâu:

+ Cảm tưởng như đứng trước “bể nuôi cá khổng lồ”

- + Thái độ của Nét Len thay đổi: “Kì diệu thật! Kì diệu thật”
 - + Giáo sư A-rô-nắc thì đã hiểu ra cuộc sống của thuyền trưởng Nê-mô: một thế giới đặc biệt dưới lòng đại dương tuyệt đẹp
 - + Nét thích thú gọi tên từng loại cá
 - + Công-xây phân loại cá
 - + Giáo sư thì say sưa nhìn cá “tung tăng”
- Thái độ của Nét Len đã thay đổi, anh ta bị vẻ đẹp của đại dương hấp dẫn nên đã quên đi “sự giận dữ và kế hoạch chạy trốn của mình”

3. Kết đoạn: Kết luận nội dung văn bản thông tin

Văn bản Dòng sông đen đã đem đến cho người đọc những trải nghiệm thú vị về những ngày đầu của hành trình hai vạn dặm dưới biển trên con tàu Nau-ti-lux của giáo sư A-rô-nắc, anh Công-xây và Nét len.

d. Viết bài văn biểu cảm về con người

Đề 1. Viết bài văn biểu cảm về một người bạn

1. Mở bài

- Giới thiệu về người bạn thân đó của em.
- Nêu ấn tượng chung của em về người đó.

2. Thân bài

- Biểu cảm kết hợp với miêu tả vài nét nổi bật trong ngoại hình, tính cách của người bạn đó.
- Kể lại ngắn gọn một kỉ niệm sâu sắc nhất về tình bạn giữa em và người đó, có thể là kỉ niệm vui hay buồn; qua đó bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của người bạn dành cho em cũng như của em dành cho bạn.

3. Kết bài

- Khẳng định lại tình bạn thân thiết giữa em và người đó.
- Cảm nghĩ của em về người bạn.

Đề 2. Viết bài văn biểu cảm về người thân mà em yêu quý nhất

1. Mở bài

Giới thiệu về người ông và tình cảm dành cho ông.

2. Thân bài

a. Miêu tả đôi nét về ông

- Ngoại hình: dáng người, khuôn mặt, mái tóc...
- Tính cách: hiền từ, nhân hậu...

b. Những kỉ niệm về người ông

- Tuổi thơ: Ông chăm sóc, bế bồng...
- Lớn lên: Những lời dạy dỗ...

c. Tình cảm dành cho ông: kính trọng, biết ơn, yêu thương...

3. Kết bài

Khẳng định lại tình cảm dành cho người ông.